

Bản án số: 07/2019/HS-ST

Ngày: 27-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Giàng A Dì;

Bà Hà Thị Lan Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hờ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trại Tầu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trại Tầu tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trại Tầu, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo:

Giàng A L, sinh năm 1966 tại xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ học vấn không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Giàng A C, sinh năm 1927 và con bà Thảo Thị S, sinh năm 1932; có vợ là Mùa Thị D và 01 con; tiền án, tiền sự không; nhân thân ngày 28-5-2001 bị Công an huyện Trại Tầu bắt đi cai nghiện tại trung tâm cai nghiện tỉnh Yên Bái; ngày 15-12-2010 Ủy ban nhân dân huyện T có quyết định đưa vào Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Yên Bái, thời gian 24 tháng; bị tạm giữ ngày 26-02-2019; “Có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đinh Gia Huê - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

- Người chứng kiến: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1988; nơi cư trú thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

- Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Mùa A Làng - Cán bộ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trại Tầu, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 50 phút, ngày 26-02-2019 tại thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; Công an huyện Trạm Tấu bắt quả tang Giàng A L có hành vi tàng trữ trái phép trong túi áo khoác màu đen trước ngực bên phải, 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen. L khai nhận là thuốc phiện, bị cáo mua của Hằng A T ở thôn L, xã T, với giá 300.000 đồng; mục đích bị cáo mua thuốc phiện về để sử dụng cho bản thân.

Tại bản kết luận giám định số: 61/GĐMT ngày 07-3-2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận: Chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ của Giàng A L có khối lượng 5,2 gam (*năm phẩy hai gam*) là ma túy; là thuốc phiện.

Bản cáo trạng số: 04/CT-VKS-TT ngày 21-5-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, truy tố Giàng A L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Giàng A L khai nhận toàn bộ hành vi mình đã thực hiện, vào ngày 26-02-2019.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Giàng A L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Giàng A L từ 01(*một*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 02 (*hai*) năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 2,7 gam thuốc phiện còn lại; 02 (*hai*) vỏ phong bì đã mở niêm phong.

+ Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Nokia, đã cũ, đã qua sử dụng và 62.000 (*sáu mươi hai nghìn*) đồng.

+ Việc cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô cho Giàng A S là đúng quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo; mục đích tàng trữ để sử dụng cho cá nhân bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Giàng A L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 01(*một*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 02 (*hai*) năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.
- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:
 - + Tịch thu tiêu hủy: 2,7 gam thuốc phiện.
 - + Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Nokia, đã cũ, đã qua sử dụng và 62.000 (*sáu mươi hai nghìn*) đồng.
 - + Xác nhận việc cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô cho Giàng A S.
- Bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì.
- Lời nói sau cùng của bị cáo: Đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để sớm được trở về với gia đình và hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 13 giờ 50 phút, ngày 26-02-2019 tại thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; Giàng A L có hành vi cất giữ bất hợp pháp trong túi áo khoác màu đen bên phải đang mặc trên người 5,2 gam (*năm phẩy hai gam*) thuốc phiện, với mục đích để sử dụng cho bản thân.

Bị cáo Giàng A L là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ việc cất giữ bất hợp pháp thuốc phiện là vi phạm pháp luật hình sự và biết được tác hại của ma túy (thuốc phiện) đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu nghiện ma túy của bản thân 5,2 gam thuốc phiện mà bị cáo L tàng trữ đã đủ về lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo L thực hiện, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[3] Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Giàng A L thực hiện đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; lời luận tội của Kiểm sát viên và đề nghị của người bào chữa tại phiên tòa là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngay sau khi bị bắt, bị cáo L đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Giàng A L là người nghiện chất ma túy, đã đi cai nghiện 02 lần, nhưng vẫn tái nghiện, nên cần xác định bị cáo là người có nhân thân xấu tại địa phương.

[6] Từ những đánh giá về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như đã phân tích ở trên, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo L ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian cai nghiện; đồng thời giáo dục riêng bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về tài sản cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo L không có tài sản gì có giá trị; thuộc diện hộ nghèo của xã, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

Đối với: 2,7 gam thuốc phiện niêm phong trong 01 phong bì thư do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. Đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành, nên cần tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với: 02 (hai) vỏ phong bì đã mở niêm phong. Đây là vật không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia, đã cũ, đã qua sử dụng và 62.000 (sáu mươi hai nghìn) đồng được niêm phong trong 01 phong bì thư do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. Đây là tài sản của bị cáo L, không liên quan đến tội phạm, nên cần trả lại cho bị cáo, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với 01 chiếc xe mô tô thu giữ khi bắt quả tang Giàng A L, đây là tài sản của Giàng A S (con trai bị cáo); khi L sử dụng xe mô tô đi mua thuốc phiện Giàng A S không biết, không có lỗi; nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho S là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận.

[9] Về án phí và các vấn đề khác:

Đối với Hằng A T; trú tại thôn L, xã T, huyện T là người L khai đã bán thuốc phiện cho L. Trong quá trình điều tra, T vắng mặt tại địa phương. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tầu tiếp tục điều tra làm rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Hằng A T.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng A L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Giàng A L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 26 tháng 02 năm 2019.

3. Về vật chứng và tài sản bị tạm giữ: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 2,7 gam thuốc phiện niêm phong trong 01 phong bì thư do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành; 02 (hai) vỏ phong bì đã mở niêm phong.

+ Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia, đã cũ, đã qua sử dụng và 62.000 (sáu mươi hai nghìn) đồng được niêm phong trong 01 phong bì thư do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành.

4. Kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tầu tiếp tục điều tra làm rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Hằng A T; trú tại thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Chi cục Hải quan tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã P;
- Lưu: Hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân

